TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH TÂN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **956**/2024/DS-ST
Ngày: 11/9/2024
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hồng Liên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hiền

2. Ông Vương Tấn Độ

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà Lê Thị Kim Cương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Trần Quang Lộc – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 192/2024/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 458/2024/QĐXXST-DS ngày 12/7/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 401/2024/QĐST-DS ngày 12/8/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S; Địa chỉ: oopp N, phường V, Quận I, Thành hố H; Đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng S; Địa chỉ: ttt N, phường V, Quận I, Thành phố H; Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn T N, sinh năm 19xx; chức vụ: Nhân viên Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng S (Giấy ủy quyền số 3695/2024/UQ-TGĐ, ngày 05/8/2024 – có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: bà Nguyễn N D, sinh năm 19xx; Địa chỉ: wwee Đường Số E, phường B, quận B, Thành phố H (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, bản tự khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại tòa án cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Ngày 03/8/2022 bà Nguyễn N D có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng – các tài liệu này sau đây gọi chung là hợp đồng), hạn mức tín

dụng là 20,000,000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn là 2.48%/tháng, lãi quá hạn bằng 150% của lãi suất công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại.

Quá trình sử dụng thẻ, bà Nguyễn N D đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 21,532,563 đồng và thanh toán đến ngày 05/3/2023 được tổng số tiền là 3,350,000 đồng. Tổng số tiền đã thanh toán được áp dụng theo điều 20 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng.

Bắt đầu từ ngày 06/3/2023 bà Nguyễn N D không thanh toán cho Ngân hàng nên đến ngày 06/4/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ 25,014,021 đồng làm nợ gốc và áp dụng lãi suất nợ quá hạn.

Nay Ngân hàng Thương mại Cổ phần S yêu cầu:

- Bà Nguyễn N D trả ngay cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 11/9/2024 là 41,311,071 đồng, trong đó gồm: nợ gốc 25,014,021 đồng, lãi quá hạn: 16,297,050 đồng.

- Bà Nguyễn N D phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng kể từ ngày 12/9/2024 đến ngày trả hết nợ.

Trước khi mở phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu và xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn là bà Nguyễn N D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không rõ lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa; cũng không cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để phản đối yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu ý kiến và kết luận:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 48, khoản 2 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015:

Tòa án có tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ do đó vụ án thuộc trường hợp phải gửi hồ sơ để Viện Kiểm sát nhân dân nghiên cứu và tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án nhân dân quận Bình Tân đã chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân nghiên cứu tham gia phiên tòa đúng quy định tại khoản 2 Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn có nơi cư trú tại quận Bình Tân nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân theo quy định tại các Điều 26, 35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự tố tụng quy định tại các Điều 196, 204, 205, 208, 209, 210 và 211 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Các văn bản tố tụng của Tòa án được tống đạt hợp lệ cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

- *Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:* Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- *Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng:* Nguyên đơn đã thực hiện đúng, bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại các điều 70, 71, 72 và 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Ý kiến về việc giải quyết vụ án:* bà Nguyễn Ngọc Diễm đã sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng và vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên căn cứ các điều 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

[1. 1] Tranh chấp giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và bà Nguyễn N D là tranh chấp dân sự phát sinh từ Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng mà hai bên đã ký vào ngày 03/8/2022.

[1. 2] Địa chỉ của bị đơn được ghi trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 03/8/2022 là: "hộ khẩu: ấp K, xã B, huyện H, tỉnh K; nơi ở: wwee Đường Số E, phường B, quận B, Thành phố H". Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh về cư trú đối với bị đơn tại công an xã B, huyện H, tỉnh K, kết quả: đương sự có hộ khẩu thường trú tại tổ yy, ấp K, xã B, huyện H, tỉnh K nhưng không thường xuyên cư trú tại địa phương từ năm 2020. Kết quả xác minh tại Công an phường B, quận B: đương sự Nguyễn N D, sinh năm 19xx, trước đây có cư trú tại số wwee Đường Số E, phường B, quận B, Thành phố H, đến tháng 11/2022 đã bỏ địa phương đi đâu không rõ. Như vậy người khởi kiện được coi là đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện; người bị kiện thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ. Địa chỉ wwee Đường Số E, phường B, quận B, Thành phố H được xác định là nơi cư trú cuối cùng của bị đơn. Do đó, Toà án nhân dân quận Bình Tân giải quyết vụ kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2. 1] Do cá nhân bà Nguyễn N D giao dịch với Ngân hàng, Ngân hàng cũng chỉ khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn N D trả tiền. Bà Nguyễn N D cũng không có yêu cầu gì trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đưa chồng bà Nguyễn N D (nếu có) vào tham gia tố tụng trong vụ án này với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; cũng không xem xét đến trách nhiệm liên

đới giữa ông Nguyễn N D và chồng bà Nguyễn N D (nếu có) để trả nợ cho Ngân hàng do không có đương sự nào yêu cầu.

[2. 2] Ông Nguyễn T N (người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn) có đơn xin vắng mặt; bà Nguyễn N D là bị đơn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2. 3] Bị đơn là bà Nguyễn N D đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến Tòa án để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, có nghĩa là bị đơn đã tự tước bỏ quyền phản đối yêu cầu của nguyên đơn đối với mình, tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, quy định: *"Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó"*; khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, quy định: *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh".* Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung vụ án:

[3. 1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngày 03/8/2022, bà Nguyễn N D đã ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng).

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có tư cách pháp nhân, hoạt động theo Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Bà Nguyễn N D có đủ năng lực hành vi dân sự. Các bên tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện; mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Hình thức của hợp đồng được lập thành văn bản, tuân theo quy định của pháp luật nên phát sinh quyền, nghĩa vụ dân sự giữa các bên.

Căn cứ tóm tắt sao kê quá trình sử dụng thẻ, nhận thấy bà Nguyễn N D đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 21,532,563 đồng và thanh toán đến ngày 05/3/2023 được tổng số tiền là 3,350,000 đồng, từ ngày 06/3/2023 đến nay bà Nguyễn N D không thanh toán nên đến ngày 06/4/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ 25,014,021 đồng làm nợ gốc và áp dụng lãi suất nợ quá hạn.

Như vậy, bà Nguyễn N D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã được hai bên thỏa thuận, căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn N D phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 25,014,021 đồng.

[3. 2] Về yêu cầu trả nợ lãi: do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm vi phạm thành nợ gốc và áp

dụng lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận tại mục 23 của Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 10/11/2018, lãi suất quá hạn được áp dụng 150% lãi suất trong hạn. Thỏa thuận này phù hợp theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015 và khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S yêu cầu bà Nguyễn N D thanh toán khoản lãi quá hạn tính từ ngày 06/4/2023 đến ngày 11/9/2024 là 16,297,050 đồng là có căn cứ.

[4] Ý kiến phát biểu tại phiên tòa của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh về hình thức và nội dung là phù hợp quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[5.1] Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5.2] Bà Nguyễn N D phải nộp án phí tính trên số tiền phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 92; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 91; khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đối với bà Nguyễn N D.

1. 1. Bà Nguyễn N D phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tính đến ngày 11/9/2024 là 41,311,071 (bốn mươi mốt triệu, ba trăm mười một nghìn, không trăm bảy mươi mốt) đồng, gồm: nợ gốc: 25,014,021 đồng (hai mươi lăm triệu, không trăm mười bốn nghìn, không trăm hai mươi mốt) đồng; lãi quá hạn: 16,297,050 (mười sáu triệu, hai trăm chín mươi bảy triệu, không trăm năm mươi) đồng.

1. 2. Bà Nguyễn N D còn phải tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng mà hai bên đã ký ngày 03/8/2022 kể từ ngày 12/9/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2. 1. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí là 842,645 (tám trăm bốn mươi hai nghìn, sáu trăm tám mươi lăm) đồng theo biên lai số 0012268 ngày 25/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. 2. Bà Nguyễn N D phải nộp 2,064,554 (hai triệu, không trăm sáu mươi lăm nghìn, năm trăm năm mươi bốn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền và thời hạn kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Q. Bình Tân;
- TAND TP.HCM;
- Chi cục THADS Q. Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu văn thư, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Liên